

## THÔNG BÁO

**kết quả trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2022**

-----

Căn cứ Kế hoạch số 142-KH/TU, ngày 11/5/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2022; Quyết định số 730-QĐ/TU, ngày 01/7/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 838-QĐ/TU, ngày 04/11/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội thành phố năm 2022.

Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức thành phố thông báo danh sách thí sinh đã trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội thành phố năm 2022 (gửi kèm theo Thông báo).

Danh sách chi tiết kết quả kỳ tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội thành phố năm 2022 được đăng tải công khai trên Website Thành ủy và Cổng thông tin điện tử Thành ủy (địa chỉ: <http://thanhuy.haiphong.gov.vn> hoặc <http://www.hph.dcs.vn>)

Đề nghị thí sinh đã trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức, viên chức gửi về Ban Tổ chức Thành ủy, thành phần hồ sơ như sau:

1. Các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; cụ thể (**01 bản sao** lưu hồ sơ; **bản chính và 01 bản sao** để phối hợp với Công an thành phố kiểm tra, xác minh theo quy định).
2. Bản sao Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên được cơ quan có thẩm quyền chứng thực (nếu có).
3. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Các giấy tờ liên quan đến quá trình công tác (nếu có), gồm: hợp đồng lao động, bản xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội hoặc bản sao sổ bảo hiểm xã hội...được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

5. Bản cam kết về văn bằng, chứng chỉ trong hồ sơ tuyển dụng công chức. (có mẫu kèm theo)

6. Bản sao chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên được cơ quan có thẩm quyền chứng thực (nếu có).

**Lưu ý:**

- Mẫu bản cam kết về văn bằng, chứng chỉ trong hồ sơ trúng tuyển công chức, viên chức được đăng tải trên Website Thành ủy và Cổng thông tin điện tử của Thành ủy.

- Đối với thí sinh trúng tuyển công chức, viên chức tốt nghiệp trình độ đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam theo hình thức liên kết phải nộp văn bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp theo quy định.

- Số điện thoại liên hệ của bộ phận thường trực: 08031147

Đề nghị thí sinh gửi hồ sơ tuyển dụng công chức, viên chức về Ban Tổ chức Thành ủy chậm nhất trong ngày **07/12/2022** để tổng hợp, xem xét, ký quyết định tuyển dụng công chức, viên chức theo thẩm quyền.

Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức thông báo để thí sinh biết, thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Thành ủy “để báo cáo”,
- Các thành viên Hội đồng tuyển dụng,
- Trưởng Ban Giám sát,
- Thí sinh trúng tuyển,
- Cơ quan có thí sinh trúng tuyển,
- Website Thành ủy,
- Lưu Ban Tổ chức Thành ủy.

**TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC THÀNH ỦY**  
kiêm  
**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Đào Trọng Đức**

# **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2022

## **BẢN CAM KẾT**

*Về văn bằng, chứng chỉ trong hồ sơ tuyển dụng công chức, viên chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội năm 2022*

-----

Kính gửi: Ban Tổ chức Thành ủy

Tên tôi là: ..... Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số báo danh: ..... Số điện thoại: .....

Trong kỳ tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội năm 2022 tại thành phố Hải Phòng, tôi đã đăng ký và đủ điều kiện dự tuyển vào vị trí <sup>(1)</sup>: .....

thuộc cơ quan<sup>(2)</sup>: .....

Căn cứ Quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội năm 2022 và Thông báo của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức thành phố; ngày      /      /2022 tôi đã nộp hoàn thiện các văn bằng, chứng chỉ trong hồ sơ tuyển dụng công chức, viên chức theo quy định.

Tôi xin cam kết:

(1). Thông tin về văn bằng, chứng chỉ đã khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển công chức, viên chức năm 2022 đảm bảo tính trung thực và trùng khớp với văn bằng, chứng chỉ nộp khi trúng tuyển.

(2). Nội dung văn bằng, chứng chỉ trên là hợp lệ, hợp pháp, đúng quy định.

(3). Nếu tôi có gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển công chức, viên chức hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn!

**NGƯỜI VIẾT CAM KẾT**

### **Ghi chú:**

(1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển công chức, viên chức (VD: vị trí chuyên viên Văn phòng Huyện ủy);

(2) Ghi đúng tên cơ quan, địa phương (VD: Huyện ủy A).

(Kèm theo Thông báo số 512-TB/HĐTD, ngày 08/11/2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức)

42

| Stt tổng                                                                                                                                   | Stt | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn                 |                                               | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------------|---------------------|------------|-------------|-----------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|                                                                                                                                            |     |                  | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ                            | Ngành/ Chuyên ngành                           |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
| 5                                                                                                                                          | 1   | Trần Thị Hồng    | Hường               | 10/11/1990 | 045         |           | - Cử nhân<br>- Thạc sỹ              | Tâm lý học                                    |                   | Đoàn thể         | 38/60                                    | 15/30     | 71,0                            |                     | 71,0      | Trúng tuyển |
| 6                                                                                                                                          | 2   | Hoàng Thị Thu    | Thùy                | 08/05/1993 | 083         |           | Cử nhân                             | Quản trị kinh doanh                           |                   | Đoàn thể         | 41/60                                    | 22/30     | 61,0                            |                     | 61,0      |             |
| 7                                                                                                                                          | 3   | Nguyễn Thị Huyền | Anh                 | 25/10/1984 | 002         | x         | - Cử nhân<br>- Cử nhân              | - Tiếng Anh<br>- Kinh tế Ngoại thương         |                   | Đoàn thể         | 38/60                                    | MIỄN      | 58,3                            |                     | 58,3      |             |
| <b>01 người vào vị trí kế toán công đoàn, Liên đoàn lao động quận Hải An; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL</b>    |     |                  |                     |            |             |           |                                     |                                               |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 8                                                                                                                                          | 1   | Nguyễn Thị Thu   | Hào                 | 16/4/1987  | 031         | x         | Cử nhân                             | Kế toán - kiểm toán                           |                   | Đoàn thể         | 60/60                                    | 22/30     | 69,6                            |                     | 69,6      | Trúng tuyển |
| 9                                                                                                                                          | 2   | Vũ Ngọc          | Anh                 | 21/11/1994 | 004         |           | - Cử nhân<br>- Thạc sỹ              | - Thuế<br>- Tài chính-ngân hàng               |                   | Đoàn thể         | 38/60                                    | 22/30     | 51,3                            |                     | 51,3      |             |
| 10                                                                                                                                         | 3   | Trần Minh        | Thư                 | 15/10/1991 | 084         | x         | - Cử nhân<br>- Cử nhân              | - Kế toán<br>- Luật kinh tế                   |                   | Đoàn thể         | BỎ THI                                   | BỎ THI    |                                 |                     |           |             |
| <b>01 người vào vị trí kế toán công đoàn, Liên đoàn lao động quận Ngô Quyền; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL</b> |     |                  |                     |            |             |           |                                     |                                               |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 11                                                                                                                                         | 1   | Trần Thanh       | Thảo                | 27/11/1990 | 080         | x         | - Cử nhân<br>- Cử nhân              | - QT tài chính-kế toán<br>- Luật              |                   | Đoàn thể         | 49/60                                    | 18/30     | 69,6                            |                     | 69,6      | Trúng tuyển |
| 12                                                                                                                                         | 2   | Đào Thị          | Hiếu                | 17/10/1990 | 034         |           | - Cử nhân                           | - Kế toán                                     |                   | Đoàn thể         | 35/60                                    | 10/30     |                                 |                     |           |             |
| <b>01 người vào vị trí kế toán công đoàn ngành Y tế; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL</b>                         |     |                  |                     |            |             |           |                                     |                                               |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 13                                                                                                                                         | 1   | Lưu Thị Thùy     | Linh                | 24/8/1991  | 052         |           | Cử nhân                             | Tài chính - ngân hàng                         |                   | Đoàn thể         | 41/60                                    | 22/30     | 64,3                            |                     | 64,3      | Trúng tuyển |
| 14                                                                                                                                         | 2   | Lưu Thị Bạch     | Ngọc                | 24/01/1990 | 066         | x         | - Cử nhân<br>- Cử nhân<br>- Thạc sỹ | - Kế toán-kiểm toán<br>- Luật<br>- QL kinh tế |                   | Đoàn thể         | 47/60                                    | 13/30     |                                 |                     |           |             |

| Stt tổng | Stt | Họ                                                                                                                                                                                                                                             | và tên | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn  |                                         | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|------------|-------------|-----------|----------------------|-----------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                                                                                                                |        | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ             | Ngành/ Chuyên ngành                     |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
|          | V   | HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ THÀNH PHỐ: 02 chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                    |        |                     |            |             |           |                      |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác Hội phụ nữ; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL                                                                                                                              |        |                     |            |             |           |                      |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 15       | 1   | Nguyễn Thị Thu                                                                                                                                                                                                                                 | Phuong |                     | 31/7/1999  | 071         |           | Cử nhân              | Kinh tế ngoại thương                    |                   | Đoàn thể         | 35/60                                    | 21/30     | 55,7                            |                     | 55,7      | Trúng tuyển |
| 16       | 2   | Trần Thị Quỳnh                                                                                                                                                                                                                                 | Anh    |                     | 09/12/1992 | 007         |           | Kỹ sư                | Quản lý tài nguyên môi trường           |                   | Đoàn thể         | 56/60                                    | 20/30     | 54,3                            |                     | 54,3      |             |
|          |     | 01 người vào vị trí văn thư lưu trữ, Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành Văn thư - lưu trữ (trường hợp có bằng đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp); |        |                     |            |             |           |                      |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 17       | 1   | Lương Thị Thùy                                                                                                                                                                                                                                 | Linh   |                     | 09/02/1987 | 051         | x         | - Kỹ sư<br>- Thạc sỹ | - Tuyển khoáng<br>- Quản lý kinh tế     |                   | Đoàn thể         | 59/60                                    | 29/30     | 64,3                            |                     | 64,3      | Trúng tuyển |
|          | VI  | ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH THÀNH PHỐ: 07 chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                   |        |                     |            |             |           |                      |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | 07 người vào vị trí chuyên viên về công tác đoàn thanh niên, tốt nghiệp Đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ                                                                                                  |        |                     |            |             |           |                      |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 18       | 1   | Phùng Minh                                                                                                                                                                                                                                     | Châu   |                     | 11/11/2000 | 014         | x         | Cử nhân              | Quan hệ quốc tế                         |                   | Đoàn thể         | 50/60                                    | 27/30     | 76,0                            |                     | 76,0      | Trúng tuyển |
| 19       | 2   | Phạm                                                                                                                                                                                                                                           | Trưởng | 02/05/1999          |            | 087         | x         | Kỹ sư                | Khoa học hàng hải (Điều khiển tàu biển) |                   | Đoàn thể         | 40/60                                    | 18/30     | 75,6                            |                     | 75,6      | Trúng tuyển |
| 20       | 3   | Phạm Thành                                                                                                                                                                                                                                     | Mạnh   | 09/03/1999          |            | 058         |           | Cử nhân              | Quản trị kinh doanh                     |                   | Đoàn thể         | 51/60                                    | 30/30     | 74,0                            |                     | 74,0      | Trúng tuyển |
| 21       | 4   | Nguyễn Xuân                                                                                                                                                                                                                                    | Tùng   | 12/12/1995          |            | 076         | x         | Cử nhân              | Quản trị du lịch                        |                   | Đoàn thể         | 37/60                                    | 17/30     | 73,6                            |                     | 73,6      | Trúng tuyển |
| 22       | 5   | Lê Tuyết Quỳnh                                                                                                                                                                                                                                 | Anh    |                     | 21/11/2000 | 006         |           | Cử nhân              | Kinh doanh quốc tế                      |                   | Đoàn thể         | 59/60                                    | MIỄN      | 73,3                            |                     | 73,3      | Trúng tuyển |
| 23       | 6   | Nguyễn Gia                                                                                                                                                                                                                                     | Hân    |                     | 14/01/1999 | 032         | x         | Cử nhân              | Khoa học xã hội                         |                   | Đoàn thể         | 39/60                                    | MIỄN      | 72,3                            |                     | 72,3      | Trúng tuyển |

| Stt tổng | Stt | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn |                                           | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|------------------|---------------------|------------|-------------|-----------|---------------------|-------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                  | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ            | Ngành/ Chuyên ngành                       |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
| 24       | 7   | Nguyễn Mai Hương | Giang               | 16/2/1999  | 027         |           | Cử nhân             | Kinh tế ngoại thương                      |                   | Đoàn thể         | 33/60                                    | 21/30     | 71,3                            |                     | 71,3      | Trúng tuyển |
| 25       | 8   | Phạm Văn         | Bình                | 01/12/1997 | 012         |           | Cử nhân             | Luật                                      |                   | Đoàn thể         | 34/60                                    | 18/30     | 66,0                            |                     | 66,0      |             |
| 26       | 9   | Lưu Thị Thùy     | Châu                | 11/01/1999 | 015         |           | Cử nhân             | Luật                                      |                   | Đoàn thể         | 39/60                                    | 22/30     | 63,3                            |                     | 63,3      |             |
| 27       | 10  | Nguyễn Quốc Huy  | Hoàng               | 09/11/1995 | 037         |           | Cử nhân             | Kinh tế và quản lý                        |                   | Đoàn thể         | 39/60                                    | MIỄN      | 63,0                            |                     | 63,0      |             |
| 28       | 11  | Hoàng Anh        | Thị                 | 10/04/1998 | 082         | x         | Cử nhân             | Lịch sử Triết học và tôn giáo phương Đông |                   | Đoàn thể         | 46/60                                    | 17/30     | 61,0                            |                     | 61,0      |             |
| 29       | 12  | Trương Hải       | Nam                 | 17/7/1998  | 061         | x         | Kỹ sư               | Khai thác máy tàu biển                    |                   | Đoàn thể         | 43/60                                    | 25/30     | 60,0                            |                     | 60,0      |             |
| 30       | 13  | Đỗ Thị Lan       | Chinh               | 15/11/2000 | 018         |           | Cử nhân             | Xã hội học                                |                   | Đoàn thể         | 59/60                                    | 30/30     | 60,0                            |                     | 60,0      |             |
| 31       | 14  | Nguyễn Thị Hồng  | Huệ                 | 20/12/2000 | 039         |           | Cử nhân             | Công tác thanh thiếu niên                 |                   | Đoàn thể         | 30/60                                    | 15/30     | 59,6                            |                     | 59,6      |             |
| 32       | 15  | Đào Thị          | Nhung               | 08/07/1998 | 068         |           | Cử nhân             | Công tác xã hội                           |                   | Đoàn thể         | 60/60                                    | 30/30     | 59,6                            |                     | 59,6      |             |
| 33       | 16  | Chung Mạnh       | Cường               | 12/11/1999 | 013         |           | Cử nhân             | Kinh tế đầu tư                            |                   | Đoàn thể         | 51/60                                    | 26/30     | 59,3                            |                     | 59,3      |             |
| 34       | 17  | Phạm Văn         | Hoàn                | 03/07/1996 | 036         |           | Cử nhân             | Luật                                      |                   | Đoàn thể         | 36/60                                    | 22/30     | 59,0                            |                     | 59,0      |             |
| 35       | 18  | Chu Đức          | Thắng               | 03/12/1993 | 081         | x         | Cử nhân             | Tài chính - ngân hàng                     |                   | Đoàn thể         | 45/60                                    | 17/30     | 55,3                            |                     | 55,3      |             |

| Stt tổng | Stt | Họ và tên       | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn |                                    | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú |
|----------|-----|-----------------|---------------------|------------|-------------|-----------|---------------------|------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|---------|
|          |     |                 | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ            | Ngành/ Chuyên ngành                |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |         |
| 36       | 19  | Trần Quang      | Anh                 | 03/06/1995 | 005         |           | Cử nhân             | Kinh tế ngoại thương               |                   | Đoàn thể         | 36/60                                    | 21/30     | 55,0                            |                     | 55,0      |         |
| 37       | 20  | Nguyễn Thị Ngọc | Minh                | 22/3/1999  | 060         |           | Cử nhân             | Kế toán                            |                   | Đoàn thể         | 33/60                                    | 21/30     | 54,6                            |                     | 54,6      |         |
| 38       | 21  | Phạm Thị        | Đào                 | 02/02/1995 | 024         |           | Cử nhân             | Quốc tế học                        |                   | Đoàn thể         | 41/60                                    | 16/30     | 53,0                            |                     | 53,0      |         |
| 39       | 22  | Nguyễn Mai      | Oanh                | 29/01/1999 | 069         |           | Cử nhân             | Kinh tế doanh nghiệp               |                   | Đoàn thể         | 22/60                                    |           |                                 |                     |           |         |
| 40       | 23  | Phạm Tiến       | Long                | 28/9/1998  | 055         |           | Cử nhân             | Công tác xã hội                    |                   | Đoàn thể         | 35/60                                    | 11/30     |                                 |                     |           |         |
| 41       | 24  | Đoàn Thanh      | Mai                 | 21/5/1998  | 057         |           | Cử nhân             | Luật                               |                   | Đoàn thể         | 29/60                                    |           |                                 |                     |           |         |
| 42       | 25  | Đào Văn         | Hải                 | 07/04/1994 | 029         | x         | Cử nhân             | Chính trị học                      |                   | Đoàn thể         | 42/60                                    | 11/30     |                                 |                     |           |         |
| 43       | 26  | Lê Trần         | Nam                 | 23/6/1999  | 062         |           | Cử nhân             | Giáo dục thể chất                  |                   | Đoàn thể         | BỎ THI                                   | BỎ THI    |                                 |                     |           |         |
| 44       | 27  | Vũ Trung        | Kiên                | 31/01/1998 | 046         |           | Kỹ sư               | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |                   | Đoàn thể         | BỎ THI                                   | BỎ THI    |                                 |                     |           |         |
| 45       | 28  | Lê Mạnh         | Dũng                | 13/8/1995  | 022         |           | Cử nhân             | Giáo dục chính trị                 |                   | Đoàn thể         | 39/60                                    | 6/30      |                                 |                     |           |         |
| 46       | 29  | Vũ Đình         | Khu                 | 01/02/1997 | 048         | x         | Kỹ sư               | Quản lý đất đai                    |                   | Đoàn thể         | BỎ THI                                   | BỎ THI    |                                 |                     |           |         |
| 47       | 30  | Hoàng Việt      | Phú                 | 28/9/1995  | 070         |           | Kỹ sư               | Kỹ thuật xây dựng                  |                   | Đoàn thể         | 28/60                                    |           |                                 |                     |           |         |

W

| Stt tổng | Stt | Họ và tên                                                                                                                                                                      | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn      |                                                     | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |  |
|----------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-------------|-----------|--------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|--|
|          |     |                                                                                                                                                                                | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ                 | Ngành/ Chuyên ngành                                 |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |  |
| 56       | 1   | Lê Thị Loan                                                                                                                                                                    |                     | 05/09/1985 | 054         | x         | - Cử nhân<br>- Trung cấp | - Quản trị tài chính kế toán<br>- Văn thư - lưu trữ |                   | Xây dựng Đảng    | 53/60                                    | 18/30     | 61,3                            |                     | 61,3      | Trúng tuyển |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác đoàn thanh niên, tốt nghiệp Đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ                                  |                     |            |             |           |                          |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 57       | 1   | Vũ Phương Thảo                                                                                                                                                                 |                     | 09/07/1999 | 079         |           | Cử nhân                  | Chính trị học                                       |                   | Đoàn thể         | 48/60                                    | 27/30     | 54,3                            |                     | 54,3      | Trúng tuyển |  |
| 58       | 2   | Phạm Công Đức                                                                                                                                                                  |                     | 13/02/1997 | 025         | x         | Cử nhân                  | Khoa học môi trường                                 |                   | Đoàn thể         | 52/60                                    | 28/30     | 51,7                            |                     | 51,7      |             |  |
| 59       | 3   | Bùi Thanh Tú Anh                                                                                                                                                               |                     | 17/06/1999 | 008         | x         | Cử nhân                  | Luật                                                |                   | Đoàn thể         | 36/60                                    | 20/30     | 50,7                            |                     | 50,7      |             |  |
|          | IX  | QUẬN ỦY ĐỒ SƠN: 03 chỉ tiêu                                                                                                                                                    |                     |            |             |           |                          |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Quận ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam                |                     |            |             |           |                          |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 60       | 1   | Bùi Duy Chiến                                                                                                                                                                  |                     | 13/08/1985 | 017         | x         | Kỹ sư                    | Xây dựng dân dụng và công nghiệp                    |                   | Xây dựng Đảng    | 52/60                                    | 24/30     | 51,0                            |                     | 51,0      | Trúng tuyển |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Quận ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam |                     |            |             |           |                          |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 61       | 1   | Lưu Thị Hồng Anh                                                                                                                                                               |                     | 06/08/1992 | 001         | x         | Cử nhân                  | Bảo hiểm, ngân hàng, tài chính                      |                   | Xây dựng đảng    | 54/60                                    | 22/30     | 51,3                            |                     | 51,3      | Trúng tuyển |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác đoàn thanh niên, tốt nghiệp Đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ                                  |                     |            |             |           |                          |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 62       | 1   | Lương Trác Tuấn                                                                                                                                                                |                     | 21/06/1997 | 009         | x         | Cử nhân                  | Xây dựng Đảng và CQNN                               |                   | Đoàn thể         | 53/60                                    | 24/30     | 56,3                            |                     | 56,3      | Trúng tuyển |  |
|          | X   | HUYỆN ỦY THỦY NGUYÊN: 03 chỉ tiêu                                                                                                                                              |                     |            |             |           |                          |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam               |                     |            |             |           |                          |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |

| Stt tổng                                                                                                                                                               | Stt | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh |    | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn               |                                                         | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------------|---------------------|----|-------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|                                                                                                                                                                        |     |                   | Nam                 | Nữ |             |           | Trình độ                          | Ngành/ Chuyên ngành                                     |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
| 63                                                                                                                                                                     | 1   | Nguyễn Phùng Lâm  | 14/02/1998          |    | 049         | x         | Cử nhân                           | Luật Kinh tế                                            |                   | Xây dựng Đảng    | 56/60                                    | 27/30     | 51,0                            |                     | 51,0      | Trúng tuyển |
| 64                                                                                                                                                                     | 2   | Nguyễn Lê Quỳnh   | 02/12/1998          |    | 016         | x         | Cử nhân                           | Xây dựng Đảng và CQNN                                   |                   | Xây dựng Đảng    | 33/60                                    | 20/30     | BỎ THI                          |                     |           |             |
| 65                                                                                                                                                                     | 3   | Lại Cao Kỳ        | 18/06/1994          |    | 047         | x         | Cử nhân                           | Xây dựng Đảng và CQNN                                   |                   | Xây dựng Đảng    | 43/60                                    | 14/30     |                                 |                     |           |             |
| <b>01 người vào vị trí chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam</b>            |     |                   |                     |    |             |           |                                   |                                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 66                                                                                                                                                                     | 1   | Nguyễn Tuấn Thành | 17/07/1998          |    | 078         | x         | Cử nhân                           | Kinh tế ngoại thương                                    |                   | Xây dựng Đảng    | 58/60                                    | 27/30     | 58,7                            |                     | 58,7      | Trúng tuyển |
| <b>01 người vào vị trí chuyên viên về quản trị, Văn phòng Huyện ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam</b> |     |                   |                     |    |             |           |                                   |                                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 67                                                                                                                                                                     | 1   | Nguyễn Thị Hạnh   | 06/09/1994          |    | 030         | x         | Cử nhân                           | Quản trị nhân lực                                       |                   | Xây dựng Đảng    | 55/60                                    | 25/30     | 58,7                            |                     | 58,7      | Trúng tuyển |
| 68                                                                                                                                                                     | 2   | Đoàn Tiến Hoàng   | 30/07/1995          |    | 038         | x         | Cử nhân                           | - Công tác thanh niên<br>- Cử nhân ngành Luật           |                   | Xây dựng Đảng    | 41/60                                    | 19/30     | 50,3                            |                     | 50,3      |             |
| <b>XI HUYỆN ỦY KIẾN THỤY: 04 CHỈ TIÊU</b>                                                                                                                              |     |                   |                     |    |             |           |                                   |                                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| <b>03 người vào vị trí Tổ chức xây dựng đảng; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam</b>                   |     |                   |                     |    |             |           |                                   |                                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 69                                                                                                                                                                     | 1   | Lê Văn Hiếu       | 19/09/1985          |    | 035         | x         | Cử nhân                           | Luật Kinh tế                                            | Con TB 4/4        | Xây dựng Đảng    | 60/60                                    | 30/30     | 58,3                            | 5                   | 63,3      | Trúng tuyển |
| 70                                                                                                                                                                     | 2   | Bùi Trọng Hải     | 26/07/1991          |    | 028         | x         | Cử nhân                           | Luật Kinh tế                                            |                   | Xây dựng Đảng    | 55/60                                    | 30/30     | 58,7                            |                     | 58,7      | Trúng tuyển |
| 71                                                                                                                                                                     | 3   | Nguyễn Ngọc Tân   | 28/07/1992          |    | 074         | x         | Cử nhân                           | Kế toán doanh nghiệp                                    |                   | Xây dựng Đảng    | 49/60                                    | 22/30     | 56,3                            |                     | 56,3      | Trúng tuyển |
| 72                                                                                                                                                                     | 4   | Nguyễn Hồng Huy   | 25/02/1990          |    | 042         | x         | - Kỹ sư<br>- Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Trắc địa - Bản đồ<br>- Luật Kinh tế<br>- Luật Kinh tế |                   | Xây dựng Đảng    | 49/60                                    | 21/30     | 50,3                            |                     | 50,3      |             |

| Stt tổng | Stt  | Họ và tên                                                                                                                                                                         | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đảng viên | Trình độ chuyên môn |                      | Đối tượng ưu tiên                  | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú |             |
|----------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-------------|-----------|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------|
|          |      |                                                                                                                                                                                   | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ            | Ngành/ Chuyên ngành  |                                    |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |         |             |
|          |      | 01 người vào vị trí chuyên viên công tác đoàn thanh niên; trình độ đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ                                          |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
| 73       | 1    | Ngô Văn Hùng                                                                                                                                                                      | Hùng                | 27/08/1999 |             | 041       |                     | Cử nhân              | Quản lý nhà nước                   |                  | Đoàn thể                                 | 60/60     | 29/30                           | 54,0                |           | 54,0    | Trúng tuyển |
|          | XII  | HUYỆN ỦY AN DƯƠNG: 04 CHỈ TIÊU                                                                                                                                                    |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
|          |      | 01 người vào vị trí chuyên viên Văn phòng cấp ủy; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam                              |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
| 74       | 1    | Đỗ Thành Trọng                                                                                                                                                                    | Trọng               | 22/04/1976 |             | 085       | x                   | Cử nhân              | Quản trị Tài chính kế toán         | Con TB 1/4       | Xây dựng Đảng                            | 48/60     | 26/30                           | 51,7                | 5         | 56,7    | Trúng tuyển |
|          |      | 01 người vào vị trí chuyên viên về quản trị Văn phòng Huyện; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam                   |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
| 75       | 1    | Phan Thế Sơn                                                                                                                                                                      | Sơn                 | 25/10/1989 |             | 073       | x                   | Cử nhân              | Công nghệ thông tin                | Con TB 4/4       | Xây dựng Đảng                            | 56/60     | 21/30                           | 51,7                | 5         | 56,7    | Trúng tuyển |
|          |      | 01 người vào vị trí Tổ chức xây dựng đảng;trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam                                      |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
| 76       | 1    | Vũ Thái Ninh                                                                                                                                                                      | Ninh                | 07/08/1996 |             | 063       | x                   | - Kỹ sư<br>- Cử nhân | XD công trình thủy<br>Luật Kinh tế |                  | Xây dựng Đảng                            | 57/60     | 26/30                           | 53,3                |           | 53,3    | Trúng tuyển |
| 77       | 2    | Phạm Đức Lượng                                                                                                                                                                    | Lượng               | 23/06/1996 |             | 056       | x                   | Cử nhân              | Chính trị học                      | Công an nghĩa vụ | Xây dựng Đảng                            | BỎ THI    | BỎ THI                          |                     |           |         |             |
|          |      | 01 người vào vị trí chuyên viên công tác đoàn thanh niên; trình độ đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ                                          |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
| 78       | 1    | Phạm Thùy Dung                                                                                                                                                                    | Dung                |            | 24/07/1999  | 021       |                     | Cử nhân              | Tài chính ngân hàng                |                  | Đoàn thể                                 | 39/60     | 21/30                           | 50,3                |           | 50,3    | Trúng tuyển |
| 79       | 2    | Đỗ Thanh Loan                                                                                                                                                                     | Loan                |            | 30/03/1997  | 053       |                     | Đại học              | Công tác thanh thiếu niên          |                  | Đoàn thể                                 | 37/60     | 14/30                           |                     |           |         |             |
|          | XIII | HUYỆN ỦY AN LÃO: 02 CHỈ TIÊU                                                                                                                                                      |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
|          |      | 01 người vào vị trí chuyên viên quản trị, công nghệ thông tin Văn phòng Huyện; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam |                     |            |             |           |                     |                      |                                    |                  |                                          |           |                                 |                     |           |         |             |
| 80       | 1    | Nguyễn Thu Liên                                                                                                                                                                   | Liên                |            | 01/05/1984  | 050       | x                   | Kỹ sư                | Công nghệ thông tin                |                  | Xây dựng Đảng                            | 53/60     | 22/30                           | 54,7                |           | 54,7    | Trúng tuyển |

| Stt tổng | Stt | Họ và tên                                                                                                                                                     | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn  |                                                | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-------------|-----------|----------------------|------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                               | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ             | Ngành/ Chuyên ngành                            |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
| 81       | 2   | Lê Thành                                                                                                                                                      | Trung               | 04/08/1985 | 086         | x         | - Kỹ sư<br>- Cử nhân | Công nghệ thông tin<br>Luật Kinh tế hành chính |                   | Xây dựng Đảng    | 41/60                                    | 16/30     | 50,0                            |                     | 50,0      |             |
|          |     | <i>01 người vào vị trí chuyên viên công tác đoàn thanh niên; trình độ đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ</i>               |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 82       | 1   | Phạm Thùy                                                                                                                                                     | Ninh                | 06/04/1996 | 064         |           | Cử nhân              | Tài chính doanh nghiệp                         |                   | Đoàn thể         | 54/60                                    | 30/30     | 50,3                            |                     | 50,3      | Trúng tuyển |
|          | XIV | <b>HUYỆN ỦY VINH BẢO: 01 CHỈ TIÊU</b>                                                                                                                         |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | <i>01 người vào vị trí chuyên viên Văn phòng Huyện ủy; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam</i> |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 83       | 1   | Nguyễn Minh                                                                                                                                                   | Ngọc                | 14/10/1993 | 067         | x         | Cử nhân              | Luật kinh tế, hành chính                       |                   | Xây dựng Đảng    | 45/60                                    | 21/30     | 58,7                            |                     | 58,7      | Trúng tuyển |
| 84       | 2   | Bùi Văn                                                                                                                                                       | Chinh               | 21/11/1986 | 019         | x         | Cử nhân              | Khoa học môi trường                            |                   | Xây dựng Đảng    | 44/60                                    | 8/30      |                                 |                     |           |             |
|          | XV  | <b>HUYỆN ỦY CÁT HẢI: 04 CHỈ TIÊU</b>                                                                                                                          |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | <i>01 người vào vị trí Tổ chức xây dựng đảng; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam</i>          |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 85       | 1   | Phạm Quốc                                                                                                                                                     | Việt                | 07/09/1994 | 089         | x         | Đại học              | Quản lý văn hóa                                |                   | Xây dựng Đảng    | 52/60                                    | 23/30     | 51,2                            |                     | 51,2      | Trúng tuyển |
|          |     | <i>01 người vào vị trí Công tác Tuyên giáo; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam</i>            |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 86       | 1   | Lê Thị Trang                                                                                                                                                  | Anh                 | 21/09/1995 | 010         | x         | Đại học              | Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước          |                   | Xây dựng Đảng    | 34/60                                    | 12/30     |                                 |                     |           |             |
| 87       | 2   | Trần Đình                                                                                                                                                     | Bảng                | 24/06/1994 | 011         | x         | Cử nhân              | Quản lý nhà nước                               | Sỹ quan dự bị     | Xây dựng Đảng    | 30/60                                    | 8/30      |                                 |                     |           |             |
|          |     | <i>01 người vào vị trí Công tác Hội Nông dân; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm.</i>                                              |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 88       | 1   | Nguyễn Thị Thu                                                                                                                                                | Hiền                | 11/12/1994 | 033         | x         | Kỹ sư                | Quản lý tài nguyên và Môi trường               |                   | Đoàn thể         | 37/60                                    | 18/30     | 60,0                            |                     | 60,0      | Trúng tuyển |
|          |     | <i>01 người vào vị trí chuyên viên công tác đoàn thanh niên; trình độ đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ</i>               |                     |            |             |           |                      |                                                |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 89       | 1   | Lê Bảo                                                                                                                                                        | Minh                | 24/03/1998 | 059         |           | Cử nhân              | Luật                                           |                   | Đoàn thể         | 43/60                                    | 14/30     |                                 |                     |           |             |

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

\*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CƠ QUAN ĐẢNG,  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ NĂM 2022**  
(Kèm theo Thông báo số 512-TB/HĐTD, ngày 08/11/2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức)

| STT tổng | STT | Họ                                                                                                                                                                                             | và tên | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đảng viên | Trình độ chuyên môn    |                             | Đối tượng ưu tiên | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------------|-----------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                                                                |        | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ               | Ngành/ Chuyên ngành         |                   |                                 |                     |           |             |
|          | I   | TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU HẢI PHÒNG                                                                                                                                                             |        |                     |            |             |           |                        |                             |                   |                                 |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí Chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học; tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Kinh tế hoặc Khoa học quản lý                                            |        |                     |            |             |           |                        |                             |                   |                                 |                     |           |             |
| 1        | 1   | Nguyễn Xuân                                                                                                                                                                                    | Quang  | 03/09/1994          |            | 009         |           | Cử nhân                | Ngành Tài chính - Ngân hàng |                   | 59,0                            |                     | 59,0      | Trúng tuyển |
| 2        | 2   | Phạm Khánh                                                                                                                                                                                     | Linh   |                     | 26/02/2000 | 005         |           | Cử nhân                | Kinh tế ngoại thương        |                   | 51,0                            |                     | 51,0      |             |
| 3        | 3   | Nguyễn Thị Phương                                                                                                                                                                              | Nga    |                     | 22/12/1989 | 006         |           | Cử nhân                | Kế toán                     |                   | BỎ THI                          |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí Chuyên viên tổng hợp Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu ; tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành khoa học tự nhiên, kinh tế, Ưu tiên ứng viên có trình độ CNTT |        |                     |            |             |           |                        |                             |                   |                                 |                     |           |             |
| 4        | 1   | Dương Tuấn                                                                                                                                                                                     | Dũng   | 21/04/1992          |            | 001         |           | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Kinh tế<br>- Báo chí học  |                   | 74,0                            |                     | 74,0      | Trúng tuyển |
| 5        | 2   | Nguyễn Tiến                                                                                                                                                                                    | Thành  | 07/01/1990          |            | 010         |           | Cử nhân                | Kinh tế ngoại thương        |                   | 70,0                            |                     | 70,0      |             |

| STT tổng | STT | Họ                                                                                                                                                                                                                                                                                     | và tên | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn    |                                                                            | Đối tượng ưu tiên | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |        | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ               | Ngành/ Chuyên ngành                                                        |                   |                                 |                     |           |             |
|          | II  | BÁO HẢI PHÒNG                                                                                                                                                                                                                                                                          |        |                     |            |             |           |                        |                                                                            |                   |                                 |                     |           |             |
|          |     | 02 người vào vị trí Phóng viên Khai thác và trình bày, Phòng Thư ký tòa soạn - Báo điện tử; Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp) |        |                     |            |             |           |                        |                                                                            |                   |                                 |                     |           |             |
| 6        | 1   | Lương Thị                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nga    |                     | 19/02/1985 | 007         |           | Cử nhân                | - Báo chí<br>- Ngoại ngữ<br>- Công nghệ thông tin<br>- Quản trị kinh doanh |                   | 63,3                            |                     | 63,3      | Trúng tuyển |
| 7        | 2   | Hoàng Văn                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phước  | 21/01/1985          |            | 008         |           | Cử nhân                | Báo chí                                                                    |                   | 63,0                            |                     | 63,0      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí Phóng viên viết, Phòng Kinh tế; Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp)                                         |        |                     |            |             |           |                        |                                                                            |                   |                                 |                     |           |             |
| 8        | 1   | Lê Trọng Nghĩa                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hiệp   | 04/03/1990          |            | 002         | x         | Cử nhân                | Báo chí                                                                    |                   | 65,0                            |                     | 65,0      | Trúng tuyển |
|          |     | 02 người vào vị trí Phóng viên viết, Phòng Chính trị - văn xã; Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp)                              |        |                     |            |             |           |                        |                                                                            |                   |                                 |                     |           |             |
| 9        | 1   | Bùi Thị                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hương  |                     | 05/01/1985 | 004         | x         | Cử nhân                | - Chính trị<br>- Báo chí                                                   |                   | 62,0                            |                     | 62,0      | Trúng tuyển |
| 10       | 2   | Phạm Quang                                                                                                                                                                                                                                                                             | Huy    | 16/07/1997          |            | 003         |           | Cử nhân                | Báo chí                                                                    |                   | 59,7                            |                     | 59,7      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí Phóng viên viết, Phòng Ban đọc tư liệu Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên ( trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp)                                 |        |                     |            |             |           |                        |                                                                            |                   |                                 |                     |           |             |
| 11       | 1   | Phạm Hải                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vân    |                     | 13/06/1988 | 011         | x         | - Cử nhân<br>- Cử nhân | - Luật<br>- Báo chí                                                        |                   | 64,7                            |                     | 64,7      | Trúng tuyển |

(Kèm theo Thông báo số 512-TB/HĐTD, ngày 08/11/2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức)

| Stt tổng | Stt | Họ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | và tên | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn    |                                                     | Đổi tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ               | Ngành/ Chuyên ngành                                 |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
|          | I   | VĂN PHÒNG THÀNH ỦY: 01 chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí Chuyên viên về Lưu trữ; Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành Văn thư - lưu trữ (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp); là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.                                                                 |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 1        | 1   | Vũ Thị Mai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Anh    |                     | 05/09/1993 | 003         | x         | - Cử nhân<br>- Thạc sỹ | Kinh tế đầu tư                                      |                   | Xây dựng Đảng    | 54/60                                    | 23/30     | 62,0                            |                     | 62,0      | Trúng tuyển |
|          | II- | ĐẢNG ỦY KHỐI CƠ QUAN THÀNH PHỐ: 01 CHỈ TIÊU                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên Văn phòng, phụ trách văn thư – lưu trữ, Đảng ủy Khối các cơ quan thành phố. Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành Văn thư - lưu trữ (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp); là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 2        | 1   | Nguyễn Thị Phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Dung   |                     | 07/02/1990 | 020         | x         | - Cử nhân<br>- Thạc sỹ | - Quản trị tài chính - kế toán<br>- Quản lý kinh tế |                   | Xây dựng Đảng    | 52/60                                    | 21/30     | 65,0                            |                     | 65,0      | Trúng tuyển |
|          | III | LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ: 04 CHỈ TIÊU                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác công đoàn, Liên đoàn Lao động quận Kiến An; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL                                                                                                                                                                                                                     |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 3        | 1   | Trần Thị Hồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hường  |                     | 10/11/1990 | 045         |           | - Cử nhân<br>- Thạc sỹ | Tâm lý học                                          |                   | Đoàn thể         | 38/60                                    | 15/30     | 71,0                            |                     | 71,0      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí kế toán công đoàn, Liên đoàn lao động quận Hải An; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL                                                                                                                                                                                                                                      |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 4        | 1   | Nguyễn Thị Thu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hào    |                     | 16/4/1987  | 031         | x         | Cử nhân                | Kế toán - kiểm toán                                 |                   | Đoàn thể         | 60/60                                    | 22/30     | 69,6                            |                     | 69,6      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí kế toán công đoàn, Liên đoàn lao động quận Ngô Quyền; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL                                                                                                                                                                                                                                   |        |                     |            |             |           |                        |                                                     |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |

| Stt tổng | Stt | Họ và tên                                                                                                                                                                                                                                      | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn    |                                         | Đôi tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------------|-----------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                                                                                                                | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ               | Ngành/ Chuyên ngành                     |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
| 5        | 1   | Trần Thanh Thảo                                                                                                                                                                                                                                |                     | 27/11/1990 | 080         | x         | - Cử nhân<br>- Cử nhân | - QT tài chính-kế toán<br>- Luật        |                   | Đoàn thể         | 49/60                                    | 18/30     | 69,6                            |                     | 69,6      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí kế toán công đoàn ngành Y tế; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL                                                                                                                                    |                     |            |             |           |                        |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 6        | 1   | Lưu Thị Thùy Linh                                                                                                                                                                                                                              |                     | 24/8/1991  | 052         |           | Cử nhân                | Tài chính - ngân hàng                   |                   | Đoàn thể         | 41/60                                    | 22/30     | 64,3                            |                     | 64,3      | Trúng tuyển |
|          | IV  | HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ THÀNH PHỐ: 02 chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                    |                     |            |             |           |                        |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác Hội phụ nữ; tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL                                                                                                                              |                     |            |             |           |                        |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 7        | 1   | Nguyễn Thị Thu Phương                                                                                                                                                                                                                          |                     | 31/7/1999  | 071         |           | Cử nhân                | Kinh tế ngoại thương                    |                   | Đoàn thể         | 35/60                                    | 21/30     | 55,7                            |                     | 55,7      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí văn thư lưu trữ, Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành Văn thư - lưu trữ (trường hợp có bằng đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp); |                     |            |             |           |                        |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 8        | 1   | Lương Thị Thùy Linh                                                                                                                                                                                                                            |                     | 09/02/1987 | 051         | x         | - Kỹ sư<br>- Thạc sỹ   | - Tuyển khoáng<br>- Quản lý kinh tế     |                   | Đoàn thể         | 59/60                                    | 29/30     | 64,3                            |                     | 64,3      | Trúng tuyển |
|          | V   | ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH THÀNH PHỐ: 07 chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                   |                     |            |             |           |                        |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          |     | 07 người vào vị trí chuyên viên về công tác đoàn thanh niên, tốt nghiệp Đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ                                                                                                  |                     |            |             |           |                        |                                         |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 9        | 1   | Phùng Minh Châu                                                                                                                                                                                                                                |                     | 11/11/2000 | 014         | x         | Cử nhân                | Quan hệ quốc tế                         |                   | Đoàn thể         | 50/60                                    | 27/30     | 76,0                            |                     | 76,0      | Trúng tuyển |
| 10       | 2   | Phạm Trường                                                                                                                                                                                                                                    | 02/05/1999          |            | 087         | x         | Kỹ sư                  | Khoa học hàng hải (Điều khiển tàu biển) |                   | Đoàn thể         | 40/60                                    | 18/30     | 75,6                            |                     | 75,6      | Trúng tuyển |
| 11       | 3   | Phạm Thành Mạnh                                                                                                                                                                                                                                | 09/03/1999          |            | 058         |           | Cử nhân                | Quản trị kinh doanh                     |                   | Đoàn thể         | 51/60                                    | 30/30     | 74,0                            |                     | 74,0      | Trúng tuyển |
| 12       | 4   | Nguyễn Xuân Tùng                                                                                                                                                                                                                               | 12/12/1995          |            | 076         | x         | Cử nhân                | Quản trị du lịch                        |                   | Đoàn thể         | 37/60                                    | 17/30     | 73,6                            |                     | 73,6      | Trúng tuyển |



| Stt tổng | Stt | Họ và tên                                                                                                                                                                      | Ngày tháng năm sinh |    | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn |                                  | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |  |
|----------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----|-------------|-----------|---------------------|----------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|--|
|          |     |                                                                                                                                                                                | Nam                 | Nữ |             |           | Trình độ            | Ngành/ Chuyên ngành              |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Quận ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam                |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 20       | 1   | Bùi Duy Chiến                                                                                                                                                                  | 13/08/1985          |    | 017         | x         | Kỹ sư               | Xây dựng dân dụng và công nghiệp |                   | Xây dựng Đảng    | 52/60                                    | 24/30     | 51,0                            |                     | 51,0      | Trúng tuyển |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Quận ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 21       | 1   | Lưu Thị Hồng Anh                                                                                                                                                               | 06/08/1992          |    | 001         | x         | Cử nhân             | Bảo hiểm, ngân hàng, tài chính   |                   | Xây dựng đảng    | 54/60                                    | 22/30     | 51,3                            |                     | 51,3      | Trúng tuyển |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về công tác đoàn thanh niên, tốt nghiệp Đại học trở lên; dưới 29 tuổi tính theo tháng đến thời điểm nộp hồ sơ                                  |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 22       | 1   | Lương Trác Tuấn                                                                                                                                                                | 21/06/1997          |    | 009         | x         | Cử nhân             | Xây dựng Đảng và CQNN            |                   | Đoàn thể         | 53/60                                    | 24/30     | 56,3                            |                     | 56,3      | Trúng tuyển |  |
|          | IX  | HUYỆN ỦY THỦY NGUYÊN: 03 chỉ tiêu                                                                                                                                              |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam               |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 23       | 1   | Nguyễn Phùng Lâm                                                                                                                                                               | 14/02/1998          |    | 049         | x         | Cử nhân             | Luật Kinh tế                     |                   | Xây dựng Đảng    | 56/60                                    | 27/30     | 51,0                            |                     | 51,0      | Trúng tuyển |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam                           |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 24       | 1   | Nguyễn Tuấn Thành                                                                                                                                                              | 17/07/1998          |    | 078         | x         | Cử nhân             | Kinh tế ngoại thương             |                   | Xây dựng Đảng    | 58/60                                    | 27/30     | 58,7                            |                     | 58,7      | Trúng tuyển |  |
|          |     | 01 người vào vị trí chuyên viên về quản trị, Văn phòng Huyện ủy; Tốt nghiệp Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với VTVL; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam                |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 25       | 1   | Nguyễn Thị Hạnh                                                                                                                                                                | 06/09/1994          |    | 030         | x         | Cử nhân             | Quản trị nhân lực                |                   | Xây dựng Đảng    | 55/60                                    | 25/30     | 58,7                            |                     | 58,7      | Trúng tuyển |  |
|          | X   | HUYỆN ỦY KIẾN THỤY: 04 CHỈ TIÊU                                                                                                                                                |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
|          |     | 03 người vào vị trí Tổ chức xây dựng đảng;trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam                                   |                     |    |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |  |
| 26       | 1   | Lê Văn Hiếu                                                                                                                                                                    | 19/09/1985          |    | 035         | x         | Cử nhân             | Luật Kinh tế                     | Con TB 4/4        | Xây dựng Đảng    | 60/60                                    | 30/30     | 58,3                            | 5                   | 63,3      | Trúng tuyển |  |

*[Signature]*

| Stt tổng | Stt                                                                                                                                                           | Họ             | và tên | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn |                                  | Đối tượng ưu tiên | Chuyên ngành thi | Số câu trả lời đúng trên tổng số câu hỏi |           | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|---------------------|------------|-------------|-----------|---------------------|----------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |                                                                                                                                                               |                |        | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ            | Ngành/ Chuyên ngành              |                   |                  | Kiến thức chung                          | Ngoại ngữ |                                 |                     |           |             |
| 35       | 1                                                                                                                                                             | Phạm Thùy      | Ninh   |                     | 06/04/1996 | 064         |           | Cử nhân             | Tài chính doanh nghiệp           |                   | Đoàn thể         | 54/60                                    | 30/30     | 50,3                            |                     | 50,3      | Trúng tuyển |
|          | <b>XIII HUYỆN ỦY VINH BẢO: 01 CHỈ TIÊU</b>                                                                                                                    |                |        |                     |            |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          | <i>01 người vào vị trí chuyên viên Văn phòng Huyện ủy; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam</i> |                |        |                     |            |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 36       | 1                                                                                                                                                             | Nguyễn Minh    | Ngọc   |                     | 14/10/1993 | 067         | x         | Cử nhân             | Luật kinh tế, hành chính         |                   | Xây dựng Đảng    | 45/60                                    | 21/30     | 58,7                            |                     | 58,7      | Trúng tuyển |
|          | <b>XIV HUYỆN ỦY CÁT HẢI: 04 CHỈ TIÊU</b>                                                                                                                      |                |        |                     |            |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
|          | <i>01 người vào vị trí Tổ chức xây dựng đảng; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam</i>          |                |        |                     |            |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 37       | 1                                                                                                                                                             | Phạm Quốc      | Việt   | 07/09/1994          |            | 089         | x         | Đại học             | Quản lý văn hóa                  |                   | Xây dựng Đảng    | 52/60                                    | 23/30     | 51,2                            |                     | 51,2      | Trúng tuyển |
|          | <i>01 người vào vị trí Công tác Hội Nông dân; trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp vị trí việc làm.</i>                                              |                |        |                     |            |             |           |                     |                                  |                   |                  |                                          |           |                                 |                     |           |             |
| 38       | 1                                                                                                                                                             | Nguyễn Thị Thu | Hiền   |                     | 11/12/1994 | 033         | x         | Kỹ sư               | Quản lý tài nguyên và Môi trường |                   | Đoàn thể         | 37/60                                    | 18/30     | 60,0                            |                     | 60,0      | Trúng tuyển |

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CƠ QUAN ĐẢNG,  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ NĂM 2022**  
(Kèm theo Thông báo số 512-TB/HĐTD, ngày 08/11/2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức)

| STT tổng | STT | Họ                                                                                                                                                                                                                                                                                     | và tên | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đảng viên | Trình độ chuyên môn    |                                                                                        | Đối tượng ưu tiên | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |        | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ               | Ngành/ Chuyên ngành                                                                    |                   |                                 |                     |           |             |
|          | I   | TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU HẢI PHÒNG                                                                                                                                                                                                                                                     |        |                     |            |             |           |                        |                                                                                        |                   |                                 |                     |           |             |
|          |     | 01 người vào vị trí Chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học; tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Kinh tế hoặc Khoa học quản lý                                                                                                                                    |        |                     |            |             |           |                        |                                                                                        |                   |                                 |                     |           |             |
| 1        | 1   | Nguyễn Xuân                                                                                                                                                                                                                                                                            | Quang  | 03/09/1994          |            | 009         |           | Cử nhân                | Ngành Tài chính - Ngân hàng                                                            |                   | 59,0                            |                     | 59,0      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí Chuyên viên tổng hợp Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu ; tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành khoa học tự nhiên, kinh tế, Ưu tiên ứng viên có trình độ CNTT                                                                                         |        |                     |            |             |           |                        |                                                                                        |                   |                                 |                     |           |             |
| 2        | 1   | Dương Tuấn                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dũng   | 21/04/1992          |            | 001         |           | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Kinh tế<br>- Báo chí học                                                             |                   | 74,0                            |                     | 74,0      | Trúng tuyển |
|          | II  | BÁO HẢI PHÒNG                                                                                                                                                                                                                                                                          |        |                     |            |             |           |                        |                                                                                        |                   |                                 |                     |           |             |
|          |     | 02 người vào vị trí Phóng viên Khai thác và trình bày, Phòng Thư ký tòa soạn - Báo điện tử; Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp) |        |                     |            |             |           |                        |                                                                                        |                   |                                 |                     |           |             |
| 3        | 1   | Lương Thị                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nga    |                     | 19/02/1985 | 007         |           | Cử nhân                | - Báo chí<br><br>- Ngoại ngữ<br><br>- Công nghệ thông tin<br><br>- Quản trị kinh doanh |                   | 63,3                            |                     | 63,3      | Trúng tuyển |

| STT tổng | STT | Họ                                                                                                                                                                                                                                                        | và tên | Ngày tháng năm sinh |            | Số báo danh | Đăng viên | Trình độ chuyên môn    |                          | Đối tượng ưu tiên | Kết quả vòng 2 phỏng vấn (điểm) | Điểm ưu tiên (điểm) | Tổng điểm | Ghi chú     |
|----------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|------------|-------------|-----------|------------------------|--------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------|-----------|-------------|
|          |     |                                                                                                                                                                                                                                                           |        | Nam                 | Nữ         |             |           | Trình độ               | Ngành/ Chuyên ngành      |                   |                                 |                     |           |             |
| 4        | 2   | Hoàng Văn                                                                                                                                                                                                                                                 | Phước  | 21/01/1985          |            | 008         |           | Cử nhân                | Báo chí                  |                   | 63,0                            |                     | 63,0      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí Phóng viên viết, Phòng Kinh tế; Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp)            |        |                     |            |             |           |                        |                          |                   |                                 |                     |           |             |
| 5        | 1   | Lê Trọng Nghĩa                                                                                                                                                                                                                                            | Hiệp   | 04/03/1990          |            | 002         | x         | Cử nhân                | Báo chí                  |                   | 65,0                            |                     | 65,0      | Trúng tuyển |
|          |     | 02 người vào vị trí Phóng viên viết, Phòng Chính trị - văn xã; Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp) |        |                     |            |             |           |                        |                          |                   |                                 |                     |           |             |
| 6        | 1   | Bùi Thị                                                                                                                                                                                                                                                   | Hương  |                     | 05/01/1985 | 004         | x         | Cử nhân                | - Chính trị<br>- Báo chí |                   | 62,0                            |                     | 62,0      | Trúng tuyển |
| 7        | 2   | Phạm Quang                                                                                                                                                                                                                                                | Huy    | 16/07/1997          |            | 003         |           | Cử nhân                | Báo chí                  |                   | 59,7                            |                     | 59,7      | Trúng tuyển |
|          |     | 01 người vào vị trí Phóng viên viết, Phòng Bản đọc tư liệu Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành báo chí trở lên (trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp)     |        |                     |            |             |           |                        |                          |                   |                                 |                     |           |             |
| 8        | 1   | Phạm Hải                                                                                                                                                                                                                                                  | Vân    |                     | 13/06/1988 | 011         | x         | - Cử nhân<br>- Cử nhân | - Luật<br>- Báo chí      |                   | 64,7                            |                     | 64,7      | Trúng tuyển |